TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN MÔ – TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 17 /2019/QĐST-HNGĐ	Yên Mô, ngày 8 tháng 4 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 08/2019 /TLST/HNGĐ ngày 24 tháng 1 năm 2019 giữa:

* Nđơn: Chị **Nguyễn Thị N-** sinh năm 1981

Địa chỉ: Đội 3, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

* Bị đơn: Anh **Phạm Văn T-** sinh năm 1981

Địa chỉ: Đội 3, xã M, huyện Y, tỉnh Ninh Bình

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213, khoản 4 - Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 - Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 3 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn T .

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Nguyên N1 sinh ngày 13/11/2006 và cháu Phạm Hoàng H sinh ngày 16/4/2010 cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N1 và cháu H đến khi hai chàu đủ tuổi thành niên. Chị N có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con cùng anh T mỗi tháng, mỗi cháu 1.000.000đ (một triệu đồng). Kể từ tháng 4/2019 đến khi cháu Phạm Thị Nguyên N1 và cháu Phạm Hoàng H đủ tuổi thành niên.

Chị N có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu Phạm Thị Nguyên N1 và cháu Phạm Hoàng H được chung sống với anh T. Chị N được quyền thăm nom chăm sóc con chung. Anh T và các thành viên trong gia đình không ai được cản trở chị N trong việc thăm nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Kể từ ngày anh T có đơn đề nghị thi hành khoản tiền cấp dưỡng, nếu chị N không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi suất chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung và công nợ: Chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn T đều thống nhất vợ chồng tự giải quyết nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Án phí cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thị N phải nộp là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

Tổng số tiền án phí chị Nguyê phải nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tai biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí số AA/2016/0001970 ngày 24/1/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Mô.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y;
- Chi cụcTHADS huyện Y
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoa